

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 9450/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận về phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân;

Theo ý kiến của Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường của "Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân" tại địa chỉ số 158 Đường số 19, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, họp ngày 21 tháng 5 năm 2024;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 69/CM-BTân/2024 ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân về hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tại Tờ trình số 3401/TTr-TNMT ngày 29 tháng 07 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân, địa chỉ số 158 Đường số 19, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân, địa chỉ số 158 Đường số 19, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân.

1.2. Địa điểm hoạt động: 158 Đường số 19, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305389020 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 21 tháng 02 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0305389020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo,....

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công).

- Cơ sở là 01 tòa nhà gồm 1 trệt, 3 lầu với tổng diện tích xây dựng là 7.558 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này (nếu có).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Tân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa

phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Sở TNMT TP;
- UBND quận: CT; các PCT;
- VP UBND quận;
- Phòng TNMT quận;
- UBND P BTĐB;
- Lưu: VT-TH.

5694







Bình Tân, ngày 02 tháng 8 năm 2024

PHỤ LỤC 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5363/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND quận Bình Tân)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh trong siêu thị.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp của các gian hàng chế biến thực phẩm trong siêu thị.
- Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh khu vực nhà lưu chứa chất thải rắn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là hệ thống cống chung của thành phố trên Đường số 23, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau xử lý được xả ra hố ga đầu nối với hệ thống cống chung của thành phố trên Đường số 23, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°) với vị trí xả thải như sau:

X: 1.189.340

Y: 594.412

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm đẩy, xả ngầm theo cống ra nguồn tiếp nhận.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày.đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP
2	BOD ₅	mg/L	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
10	Phosphat PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	10		
11	Tổng coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.

- Nước mưa trên tầng mái, sân thượng được thu gom vào 07 phễu thu nước DN90 đầu nối vào các trục thoát nước đứng uPVC DN90 dài 22m sau đó chảy tràn.

Toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương thu nước BTCT Ø300mm và thoát vào cống thu gom nước mưa của thành phố.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh từng tầng được thu vào ống nhánh thoát đường kính DN60 về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị công suất 50 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải khu vực bếp từ hoạt động chế biến thực phẩm được thu gom bằng đường ống DN60 qua thiết bị tách dầu mỡ rồi dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị công suất 50 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải vệ sinh khu vực nhà lưu chứa chất thải rắn được thu gom trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị công suất 50 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sau xử lý được bơm đẩy, xả ngầm theo cống ra nguồn tiếp nhận (hố ga), nguồn tiếp nhận đầu nối với hệ thống cống chung của thành phố trên Đường số 23.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải → hố thu → mương tách mỡ lắng cặn phụ trợ → bể điều hòa → bể sinh học SBR → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống cống chung của thành phố trên Đường số 23).

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn thải → Bể chứa bùn → Hợp đồng thu gom, xử lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước, bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống thoát nước.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án; Xây dựng hồ ga nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 02 tháng 8 năm 2024

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5363/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND quận Bình Tân)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống thoát khí máy phát điện dự phòng 500 kVA.
- Nguồn số 02: Khí thải từ ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống thoát khí máy phát điện dự phòng 500 kVA với tọa độ như sau:

X: 1.189.348 Y: 594.265

- Nguồn số 02: Khí thải từ ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải với tọa độ như sau:

X: 1.189.346 Y: 594.263

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống thoát khí máy phát điện dự phòng 500KVA được xả ra môi trường qua ống khói cao cách đất 2m, xả gián đoạn theo thời gian hoạt động của máy phát điện.
- Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom xả ra môi trường qua ống khói cao cách đất 5m, xả liên tục theo thời gian hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
Nguồn số 01					
1	Bụi	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ (theo quy định tại điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
3	CO	mg/Nm ³	1.000		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
Nguồn số 02					
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	27	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ (theo quy định tại điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	4,05		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống thoát khí của máy phát điện 500KVA được thoát ra môi trường qua đường ống khói thoát có đường kính D140mm, chiều cao 2m (tính từ mặt đất).

- Nguồn số 02: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom vào đường ống uPVC DN90 dài 3-5m bằng quạt hút mùi lưu lượng 1.100m³/giờ dẫn vào hệ thống xử lý khí thải sau đó thoát ra môi trường qua đường ống uPVC DN140, chiều cao 3m (tính từ mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Nhiên liệu sử dụng cho máy phát điện dự phòng là dầu DO, nồng độ các chất ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn hiện hành. Vì vậy, không lắp đặt công trình, thiết bị xử lý khí thải.

- Nguồn số 02: Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải được hút bằng quạt hút công suất 1,5KW; tháp khử mùi có kích thước D x H = 0,3m x 1,0m, sử dụng vật liệu hấp phụ là than hoạt tính; ống thoát khí thải là ống uPVC đường kính DN140mm, chiều cao 3m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo nồng độ khí thải ra môi trường đáp ứng theo các quy chuẩn hiện hành.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN



Bình Tân, ngày 02 tháng 8 năm 2024

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5363/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND quận Bình Tân)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng công suất 500 kVA

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải với tọa độ như sau:

X: 1.189.346

Y: 594.263

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng công suất 500 kVA với tọa độ như sau:

X: 1.189.346

Y: 594.263

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 06-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06-21 giờ	Từ 21-06 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực khuôn viên dự án.

- Máy phát điện dự phòng được bố trí tại khu vực riêng biệt có trang bị hệ thống tiêu âm.

- Các động cơ công suất lớn được đặt trên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 02 tháng 8 năm 2024

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5363/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND quận Bình Tân)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã số CTNH	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	kg/năm	40
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	kg/năm	1
3	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	kg/năm	5
4	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải (*)	Rắn	12 01 04	kg/năm	9,9
	TỔNG CỘNG			kg/năm	55,9

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải, phế phẩm	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 12	4.030
2	Dầu thực vật (dầu ăn) đã qua sử dụng từ khu vực bếp	-	104
	TỔNG CỘNG		4.134

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế	34,97
2	Chất thải còn lại	87,78
	TỔNG CỘNG	122,75

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Can nhựa HDPE loại 50 lít (02 can), thùng rác HDPE loại 16 lít (03 thùng).

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 6 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: khu vực lưu chứa riêng biệt, có mái che, nền chống thấm, biển báo, gờ bao xung quanh, đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng HDPE loại 240L (02 thùng), thùng HDPE loại 660L (01 thùng) đặt tại khu tập kết chất thải sinh hoạt có khả năng tái chế.
- Các thùng 20L đặt tại mỗi tầng của siêu thị.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 9 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Có mái tôn che, vách tôn, nền bằng BTCT, có cửa ra vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng HDPE loại 240 lít (02 thùng), thùng HDPE loại 660L (01 thùng) đặt tại khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Chủ đầu tư thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Các thùng 20 lít đặt tại mỗi tầng của siêu thị.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 9 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Có mái tôn che, vách tôn, nền bằng BTCT, có cửa ra vào.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Tân, ngày 02 tháng 8 năm 2024

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 5363/GPMT-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2024 của UBND quận Bình Tân)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
4. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
8. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

